

Số: **2895** /QĐ-BKHCN

Hà Nội, ngày **26** tháng **9** năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế xây dựng, ban hành, hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật, pháp điển hệ thống quy phạm pháp luật và việc tham gia góp ý kiến, thẩm định chính sách, dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Khoa học và Công nghệ

BỘ TRƯỞNG BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025 (sau đây gọi là Luật); Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (sau đây gọi là Luật số 87/2025/QH15);

Căn cứ Pháp lệnh hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 3 năm 2012;

Căn cứ Pháp lệnh pháp điển hệ thống quy phạm pháp luật ngày 16 tháng 4 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 55/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (sau đây gọi là Nghị định số 78/2025/NĐ-CP);

Căn cứ Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật (sau đây gọi là Nghị định số 187/2025/NĐ-CP);

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (sau đây gọi là “Nghị định số 78/2025/NĐ-CP”);



Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế xây dựng, ban hành, hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật, pháp điển hệ thống quy phạm pháp luật và việc tham gia góp ý kiến, thẩm định chính sách, dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật tại Bộ Khoa học và Công nghệ”.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Quyết định số 2785/QĐ-BKHHCN ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Quy chế soạn thảo và ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Khoa học và Công nghệ và Quyết định số 1515/QĐ-BTTTT ngày 5 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành quy chế xây dựng, ban hành hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật, pháp điển quy phạm pháp luật và tham gia góp ý kiến vào các dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật tại Bộ Thông tin và Truyền thông hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, các Vụ trưởng, Cục trưởng, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng;
- Các Thứ trưởng;
- Lưu: VT, PC, PQH (55).

BỘ TRƯỞNG



Nguyễn Mạnh Hùng



QUY CHẾ

Xây dựng, ban hành, hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật, pháp điển hệ thống quy phạm pháp luật và việc tham gia góp ý kiến, thẩm định chính sách, dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Khoa học và Công nghệ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 35/QĐ-BKHCN ngày 26. tháng 9.. năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về công tác xây dựng, ban hành, hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật, pháp điển hệ thống quy phạm pháp luật và việc tham gia góp ý kiến, thẩm định chính sách, dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với các đơn vị, các cán bộ, công chức, viên chức thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 3. Trách nhiệm báo cáo, xin ý kiến Bộ trưởng và Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ của đơn vị chủ trì xây dựng chính sách và soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật

1. Đơn vị chủ trì xây dựng chính sách và soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật phải báo cáo xin chủ trương của Bộ trưởng, Lãnh đạo Bộ trước khi tiến hành xây dựng chính sách và soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật.

2. Đơn vị chủ trì có trách nhiệm báo cáo, xin ý kiến của Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ đối với đề xuất chính sách, soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật trình cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền văn bản quy phạm pháp luật theo Quy chế làm việc của Đảng ủy Bộ và Nghị quyết của Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ về thực hiện vai trò lãnh đạo, chỉ đạo trong công tác xây dựng và hoàn thiện thể chế và các văn bản hướng dẫn của Đảng.

Điều 4. Xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn, trong trường hợp đặc biệt



1. Việc xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật được thực hiện theo trình tự, thủ tục rút gọn theo quy định tại Điều 50, Điều 51 của Luật (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15), khoản 1 Điều 35, khoản 10 Điều 37, khoản 5 Điều 38, khoản 8 Điều 40 và khoản 4 Điều 41 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP).

2. Việc xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật trong trường hợp đặc biệt thực hiện theo Điều 52 của Luật; khoản 2, 3, 4, 5 Điều 35 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP).

Điều 5. Truyền thông chính sách, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật

1. Việc truyền thông được thực hiện từ thời điểm lấy ý kiến đối tượng chịu sự tác động trực tiếp về chính sách, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật đến khi văn bản quy phạm được thông qua hoặc ban hành.

2. Nội dung, hình thức truyền thông chính sách, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật thực hiện theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 3 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP.

Điều 6. Ngôn ngữ, thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản quy phạm pháp luật

Ngôn ngữ, thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản quy phạm pháp luật thực hiện theo quy định tại Điều 7 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Chương V và Phụ lục kèm ban hành kèm theo Nghị định số 78/2025/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP).

Điều 7. Xác định thời điểm có hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật

1. Ngày có hiệu lực của (toàn bộ hoặc một phần) văn bản quy phạm pháp luật phải được quy định cụ thể tại văn bản quy phạm pháp luật đó theo nguyên tắc không sớm hơn 45 ngày, kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành.

Đơn vị chủ trì soạn thảo phải dự kiến cụ thể ngày có hiệu lực của văn bản trong dự thảo văn bản trên cơ sở bảo đảm đủ thời gian để các cơ quan, tổ chức, cá nhân có điều kiện tiếp cận văn bản, các đối tượng thi hành có điều kiện chuẩn bị thi hành văn bản.

2. Văn bản quy phạm pháp luật được xây dựng, ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn và trong trường hợp đặc biệt có thể có hiệu lực kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành. Đồng thời, phải được đăng tải ngay trên Công báo điện tử, cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật, Cổng thông tin điện tử của Bộ và đưa tin trên phương tiện thông tin đại chúng.

3. Văn bản quy định chi tiết phải được ban hành để có hiệu lực cùng thời điểm có hiệu lực của văn bản giao quy định chi tiết hoặc thời điểm có hiệu lực của nội dung được giao quy định chi tiết.

Điều 8. Đính chính văn bản quy phạm pháp luật và văn bản có sai sót về căn cứ ban hành, thể thức, kỹ thuật trong quá trình kiểm tra văn bản

1. Đính chính văn bản sau khi được ban hành nếu phát hiện có sai sót về căn cứ ban hành, lỗi chính tả hoặc sai sót về thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản quy phạm pháp luật thì phải được đính chính theo quy định và Điều 9 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP.

2. Đính chính về văn bản có sai sót về căn cứ ban hành, thể thức, kỹ thuật trình bày trong quá trình kiểm tra văn bản.

Trong quá trình kiểm tra văn bản nếu phát hiện văn bản có sai sót về căn cứ ban hành, thể thức, kỹ thuật thì được đính chính theo quy định tại khoản 2 Điều 23 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật.

Điều 9. Hướng dẫn áp dụng văn bản quy phạm pháp luật

1. Hướng dẫn áp dụng văn bản quy phạm pháp luật được thực hiện đối với văn bản quy phạm pháp luật quy định tại khoản 1 Điều 61 của Luật trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 60 của Luật.

2. Bộ trưởng giao cho đơn vị chủ trì soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật nghiên cứu xem xét, hướng dẫn áp dụng đối với văn bản quy phạm pháp luật do mình ban hành trên cơ sở đề nghị của cơ quan, kiến nghị của tổ chức, cá nhân hoặc văn bản quy phạm pháp luật do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành trong trường hợp được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ủy quyền.

3. Các nguyên tắc, tiêu chí hướng dẫn áp dụng văn bản quy phạm pháp luật được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 61 của Luật.

4. Việc tiếp nhận, xử lý đề nghị, kiến nghị hướng dẫn áp dụng văn bản quy phạm pháp luật và việc đăng tải văn bản hướng dẫn được thực hiện theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 80/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật.

Chương II

XÂY DỰNG, BAN HÀNH VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CỦA QUỐC HỘI, ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

Mục 1

ĐỊNH HƯỚNG LẬP PHÁP NHIỆM KỲ VÀ CHƯƠNG TRÌNH LẬP PHÁP HÀNG NĂM CỦA QUỐC HỘI

Điều 10. Lập đề xuất về Định hướng lập pháp nhiệm kỳ của Quốc hội

1. Trước 10 ngày kể từ ngày kết thúc Kỳ họp đầu tiên nhiệm kỳ Quốc hội, đơn vị thuộc Bộ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình rà soát, nghiên cứu, gửi văn bản đề xuất nhiệm vụ lập pháp nhiệm kỳ của Quốc hội theo quy

định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP) đến Vụ Pháp chế để tổng hợp theo yêu cầu của Bộ Tư pháp.

2. Vụ Pháp chế tổng hợp đề xuất của các đơn vị thuộc Bộ, phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ báo cáo Bộ trưởng phê duyệt để gửi Bộ Tư pháp trước 20 ngày kể từ ngày kết thúc Kỳ họp đầu tiên nhiệm kỳ Quốc hội.

3. Trường hợp phát sinh các nhiệm vụ lập pháp mới, đơn vị được giao chủ trì đề xuất phối hợp với Vụ Pháp chế trình Bộ trưởng phê duyệt hồ sơ gửi Bộ Tư pháp tổng hợp, trình Chính phủ xem xét, báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh kế hoạch triển khai thực hiện.

Điều 11. Lập đề xuất về Chương trình lập pháp hằng năm của Quốc hội và thực hiện Chương trình lập pháp hằng năm

1. Căn cứ Định hướng lập pháp nhiệm kỳ của Quốc hội hoặc yêu cầu giải quyết vấn đề bất cập, phát sinh từ thực tiễn (nếu có), đơn vị thuộc Bộ được giao chủ trì đề xuất, báo cáo Lãnh đạo Bộ về nội dung văn bản đề xuất quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP (theo Phụ lục 1 ban hành kèm theo Quy chế này), gửi đến Vụ Pháp chế trước ngày 10 tháng 5 hàng năm để tổng hợp.

2. Vụ Pháp chế phối hợp với các đơn vị chủ trì đề xuất báo cáo Bộ trưởng phê duyệt để gửi văn bản đề xuất xây dựng luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đến Bộ Tư pháp chậm nhất trước ngày 01 tháng 6 hàng năm để tổng hợp.

3. Đơn vị được giao chủ trì soạn thảo có trách nhiệm bảo đảm tiến độ soạn thảo và chất lượng dự thảo luật, pháp lệnh, nghị quyết; phối hợp với Vụ Pháp chế định kỳ hằng tháng báo cáo và cập nhật thông tin về tình hình thực hiện Chương trình, tình hình điều chỉnh Chương trình, những khó khăn, vướng mắc trong quá trình xây dựng luật, pháp lệnh, nghị quyết gửi Bộ Tư pháp trước ngày 25 hằng tháng để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Điều 12. Đề nghị điều chỉnh Chương trình lập pháp hằng năm

1. Việc điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội được thực hiện trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 26 Luật. Trình tự, thủ tục cụ thể như sau:

a) Đơn vị được giao nhiệm vụ chủ trì soạn thảo chủ trì, phối hợp với Vụ Pháp chế đề xuất xây dựng tờ trình theo quy định tại khoản 2 Điều 24 của Luật theo phụ lục 12 ban hành kèm theo quy chế này, báo cáo Lãnh đạo Bộ phụ trách có văn bản gửi lấy ý kiến Bộ Tư pháp đối với nội dung Tờ trình đề xuất điều chỉnh (theo Phụ lục 2 kèm theo Quy chế này).

b) Trên cơ sở ý kiến của Bộ Tư pháp, đơn vị chủ trì lập đề xuất phối hợp với Vụ Pháp chế tiếp thu, chỉnh lý, hoàn thiện tờ trình đề xuất điều chỉnh, báo cáo Bộ trưởng quyết định việc trình Chính phủ tờ trình đề xuất điều chỉnh.

c) Trường hợp Chính phủ thông qua nội dung điều chỉnh Chương trình lập pháp hằng năm, đơn vị chủ trì lập đề xuất phối hợp với Vụ Pháp chế báo cáo Bộ trưởng về việc ký thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ thay mặt Chính phủ đối với tờ trình báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội đề nghị điều chỉnh Chương trình lập pháp hằng năm.

2. Trường hợp cần ban hành luật, nghị quyết ngay tại kỳ họp Quốc hội đang diễn ra hoặc kỳ họp gần nhất để giải quyết ngay vấn đề cấp bách, vướng mắc, bất cập phát sinh từ thực tiễn thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ mà nội dung đề xuất chưa có trong Chương trình lập pháp hằng năm được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Luật (đã được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 87/2025/QH15).

Mục 2

XÂY DỰNG CHÍNH SÁCH LUẬT, PHÁP LỆNH, NGHỊ QUYẾT

Điều 13. Các trường hợp thực hiện quy trình xây dựng chính sách, xây dựng nội dung của chính sách và đánh giá tác động của chính sách

1. Đơn vị chủ trì lập đề xuất chính sách đối với luật, pháp lệnh, nghị quyết có trách nhiệm tổ chức thực hiện quy trình xây dựng chính sách theo quy định tại khoản 1 Điều 27 Luật.

2. Đơn vị chủ trì lập đề xuất chính sách có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau:

a) Xác định chính sách theo quy định tại Điều 28 Luật và xây dựng kế hoạch chi tiết xây dựng chính sách trước khi trình Bộ trưởng xem xét, thông qua chủ trương xây dựng chính sách hoặc bổ sung chính sách mới;

b) Tổ chức đánh giá tác động của chính sách trong hồ sơ chính sách thực hiện theo quy định tại 29 Luật (đã được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 87/2025/QH15) và Điều 14 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP.

Điều 14. Chuẩn bị hồ sơ, lấy ý kiến, tham vấn đối với chính sách

Đơn vị được giao chủ trì lập đề xuất chính sách có trách nhiệm sau đây:

1. Tổ chức lấy ý kiến đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, các Đoàn đại biểu Quốc hội, Bộ, cơ quan ngang Bộ và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan. Việc lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 30 Luật và khoản

2 Điều 15 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP).

2. Tham vấn chính sách theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 30 Luật và khoản 1 Điều 15 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP.

3. Tổng hợp, nghiên cứu tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý, tham vấn chính sách để hoàn thiện chính sách theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 30 Luật và khoản 4 Điều 15 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP.

4. Hồ sơ chính sách để lấy ý kiến, tham vấn được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 30 Luật.

Điều 15. Thẩm định chính sách của luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

1. Đơn vị chủ trì đề xuất chính sách chủ trì, phối hợp với Vụ Pháp chế hoàn thiện hồ sơ thẩm định chính sách của luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và trình Lãnh đạo Bộ ký văn bản gửi Bộ Tư pháp để thẩm định theo quy định tại khoản 1 Điều 31 Luật.

2. Hồ sơ chính sách gửi thẩm định quy định tại khoản 2 Điều 31 Luật và khoản 1 Điều 16 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP).

3. Đơn vị chủ trì phối hợp với Vụ Pháp chế có trách nhiệm thuyết trình và giải trình các vấn đề liên quan đến chính sách tại cuộc họp thẩm định theo quy định tại khoản 3 Điều 31 Luật.

Điều 16. Trình Chính phủ xem xét, thông qua chính sách

1. Đơn vị chủ trì đề xuất xây dựng chính sách có trách nhiệm phối hợp với Vụ Pháp chế nghiên cứu, xây dựng báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định và chỉnh lý, hoàn thiện, phối hợp với Vụ Pháp chế trình Lãnh đạo Bộ phê duyệt, quyết định việc trình Chính phủ hồ sơ chính sách của luật, pháp lệnh, nghị quyết chậm nhất là 20 ngày trước ngày tổ chức phiên họp của Chính phủ, đồng thời gửi 01 bộ hồ sơ cho Bộ Tư pháp.

2. Hồ sơ chính sách trình Chính phủ theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP.

3. Sau khi Chính phủ ban hành quyết nghị thông qua chính sách, đơn vị lập đề xuất có trách nhiệm phối hợp với Vụ Pháp chế chỉnh lý hồ sơ chính sách theo nghị quyết của Chính phủ, báo cáo Bộ trưởng xem xét, thông qua làm cơ sở giao đơn vị lập đề xuất chính sách thực hiện quy trình soạn thảo.

Hồ sơ chính sách được lưu 01 bộ tại đơn vị chủ trì xây dựng chính sách, 01 bản tại Vụ Pháp chế và 01 bản tại Văn phòng Bộ để theo dõi vào chương trình công tác chung của Bộ và của Chính phủ.

Mục 3

SOẠN THẢO LUẬT, NGHỊ QUYẾT CỦA QUỐC HỘI, PHÁP LỆNH, NGHỊ QUYẾT CỦA ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

Điều 17. Soạn thảo luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

1. Đơn vị chủ trì soạn thảo báo cáo Lãnh đạo Bộ phụ trách xem xét, thông qua Kế hoạch soạn thảo chi tiết. Kế hoạch soạn thảo chi tiết phải được gửi cho Vụ Pháp chế để theo dõi, đôn đốc tiến độ.

2. Đơn vị soạn thảo có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau:

a) Tổ chức việc soạn thảo. Trường hợp cần thiết, đơn vị chủ trì soạn thảo đề xuất và trình Bộ trưởng ký ban hành Quyết định thành lập Tổ soạn thảo theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 18 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP;

b) Lập hồ sơ dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết theo quy định tại khoản 4 Điều 33 Luật (đã được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 87/2025/QH15). Trong đó, dự thảo tờ trình phải nêu rõ các nội dung quy định tại Điều 6 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP;

c) Tổ chức lấy ý kiến đối với hồ sơ dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 33 của Luật và điểm c khoản 1 Điều 18 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP). Trong đó, phải lấy ý kiến của Bộ Ngoại giao, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ, Bộ Tư pháp.

Đối với các dự án luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã thực hiện quy trình xây dựng chính sách quy định tại Mục 2 Chương này thì không bắt buộc phải tổ chức lấy ý kiến;

d) Lấy ý kiến phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và cử đại diện tham gia cuộc họp phản biện xã hội khi được đề nghị theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 33 của Luật;

đ) Đăng tải hồ sơ dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết trên Cổng thông tin điện tử Bộ Khoa học và Công nghệ và Cổng Pháp luật quốc gia trong thời gian ít nhất là 20 ngày để các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia góp ý kiến, trừ trường hợp điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật được

ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn thì việc đăng tải thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 51 của Luật;

e) Nghiên cứu, tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình đầy đủ các ý kiến góp ý, phản biện xã hội; đăng tải bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu giải trình ý kiến góp ý trên Cổng thông tin điện tử Bộ Khoa học và Công nghệ chậm nhất là 25 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn lấy ý kiến, thời gian đăng tải ít nhất là 30 ngày.

Điều 18. Thẩm định dự án luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

1. Đơn vị chủ trì soạn thảo chủ trì, phối hợp với Vụ Pháp chế gửi hồ sơ đề nghị thẩm định đến Bộ Tư pháp để thẩm định theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Luật và khoản 1 Điều 19 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP).

2. Đơn vị chủ trì soạn thảo có trách nhiệm thuyết trình và giải trình các vấn đề liên quan đến dự án tại cuộc họp thẩm định.

3. Đơn vị chủ trì soạn thảo chủ trì, phối hợp với Vụ Pháp chế và các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ có liên quan nghiên cứu tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định, xây dựng báo cáo tiếp thu, giải trình và hoàn thiện hồ sơ dự án luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội để trình Chính phủ.

Điều 19. Xem xét, quyết định việc trình dự án luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

1. Đơn vị chủ trì soạn thảo có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Vụ Pháp chế báo cáo Lãnh đạo Bộ phê duyệt và trình Chính phủ hồ sơ dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết.

Hồ sơ dự án trình Chính phủ, đồng thời gửi Bộ Tư pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 36 Luật và khoản 2 Điều 20 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP.

2. Chính phủ thông qua nghị quyết về việc trình dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết.

3. Việc xem xét, quyết định trình dự án luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết trong trường hợp đặc biệt thực hiện theo chỉ đạo của Chính phủ hoặc Thủ tướng Chính phủ.

Điều 20. Thẩm tra, thông qua, công bố luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Đơn vị chủ trì soạn thảo có trách nhiệm phối hợp với các Ủy ban của Quốc hội, Hội đồng dân tộc, Văn phòng Chính phủ, Bộ Tư pháp và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong quá trình thẩm tra, thông qua, công bố luật, pháp

lệnh của Quốc hội, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội theo quy định tại mục 4 Chương III Luật.

Chương III **XÂY DỰNG, BAN HÀNH VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT** **CỦA CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ, BỘ TRƯỞNG**

Mục 1

ĐỀ XUẤT VÀ LẬP DANH MỤC VĂN BẢN QUY ĐỊNH CHI TIẾT LUẬT, NGHỊ QUYẾT CỦA QUỐC HỘI, PHÁP LỆNH, NGHỊ QUYẾT CỦA ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI, LỆNH, QUYẾT ĐỊNH CỦA CHỦ TỊCH NƯỚC VÀ ĐĂNG KÝ CHƯƠNG TRÌNH CÔNG TÁC CỦA CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Điều 21. Trách nhiệm đề xuất và lập danh mục văn bản quy định chi tiết luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước

1. Đơn vị chủ trì xây dựng luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, có nội dung được giao quy định chi tiết có trách nhiệm đề xuất và lập danh mục văn bản quy định chi tiết luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

2. Đề xuất xây dựng danh mục văn bản quy định chi tiết gồm các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 23 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP, trong đó phải nêu rõ tên văn bản, cơ quan ban hành văn bản, cơ quan chủ trì soạn thảo, nội dung giao quy định chi tiết và dự kiến thời gian trình hoặc ban hành.

3. Trong thời hạn 7 ngày, kể từ ngày luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội được thông qua, đơn vị chủ trì xây dựng các luật, pháp lệnh, nghị quyết, lệnh, quyết định phải gửi đề xuất danh mục văn bản quy định chi tiết đến Vụ Pháp chế.

4. Trên cơ sở đề nghị của đơn vị chủ trì, Vụ Pháp chế hoàn thiện đề xuất danh mục văn bản quy định chi tiết trình Lãnh đạo Bộ ký gửi Bộ Tư pháp.

Điều 22. Thông báo nội dung giao cho chính quyền địa phương ban hành văn bản quy định chi tiết

1. Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nghị định, nghị quyết của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ được ký ban hành, đơn vị chủ trì soạn thảo nghị định, nghị quyết của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ chuẩn bị các nội dung của nghị định, nghị quyết, quyết định giao bộ, cơ quan ngang bộ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định chi tiết gửi đến Vụ Pháp chế.

Vụ Pháp chế phối hợp với đơn vị chủ trì soạn thảo trình Lãnh đạo Bộ phê duyệt thông báo bằng văn bản cho bộ, cơ quan ngang bộ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về các nội dung của nghị định, nghị quyết, quyết định giao Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định chi tiết theo Phụ lục 5 ban hành kèm theo Quy chế này.

2. Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày thông tư của Bộ trưởng được ký ban hành, đơn vị chủ trì phối hợp với Vụ Pháp chế trình Lãnh đạo Bộ phê duyệt thông báo bằng văn bản cho Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về các nội dung của thông tư giao Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định chi tiết.

Điều 23. Trách nhiệm của đơn vị được giao chủ trì xây dựng văn bản chi tiết

1. Bảo đảm chất lượng, tiến độ soạn thảo, thời hạn trình văn bản quy định chi tiết theo quyết định ban hành danh mục văn bản quy định chi tiết của Thủ tướng Chính phủ.

2. Chậm nhất vào ngày 22 hằng tháng, cập nhật thông tin điện tử hoặc gửi thông tin về tình hình xây dựng, ban hành văn bản quy định chi tiết về Vụ Pháp chế để theo dõi, tổng hợp. Chậm nhất vào ngày 25 hằng tháng, Vụ Pháp chế cập nhật thông tin điện tử hoặc gửi về Bộ Tư pháp.

Thông tin được gửi về Vụ Pháp chế qua địa chỉ email: vanthuphapche@mst.gov.vn.

Điều 24. Trách nhiệm theo dõi, đôn đốc việc ban hành văn bản quy định chi tiết nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ, thông tư của Bộ trưởng

Đơn vị được giao chủ trì xây dựng nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ, thông tư của Bộ trưởng có nội dung giao Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định chi tiết có trách nhiệm:

1. Theo dõi, đôn đốc việc soạn thảo, ban hành văn bản quy định chi tiết nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ; hằng quý, tổng hợp trình Bộ trưởng phê duyệt báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về tình hình, tiến độ và những vấn đề phát sinh trong quá trình soạn thảo văn bản quy định chi tiết hoặc báo cáo đột xuất về tình hình ban hành văn bản quy định chi tiết theo chỉ đạo của Chính phủ, Lãnh đạo Chính phủ;

2. Theo dõi, đôn đốc việc soạn thảo, ban hành văn bản quy định chi tiết thi hành thông tư; kịp thời báo cáo Lãnh đạo Bộ để xử lý những vấn đề phát sinh trong quá trình soạn thảo văn bản quy định chi tiết.

Điều 25. Đăng ký xây dựng nghị định, nghị quyết của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ

Đăng ký xây dựng nghị định, nghị quyết của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định tại khoản 1 Điều 26 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP thực hiện như sau:

1. Chậm nhất vào ngày 30 tháng 10 hằng năm, đơn vị chủ trì đề xuất xây dựng nghị định, nghị quyết của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ gửi hồ sơ về Văn phòng Bộ để tổng hợp.

Cơ sở để đăng ký xây dựng xây dựng nghị định, nghị quyết của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP.

2. Văn phòng Bộ phối hợp với Vụ Pháp chế nghiên cứu, đề xuất và báo cáo xin ý kiến tập thể Lãnh đạo Bộ trước khi tổng hợp đăng ký.

3. Văn phòng Bộ có trách nhiệm trình Lãnh đạo Bộ phụ trách, Bộ trưởng đề gửi văn bản đăng ký xây dựng nghị định, nghị quyết của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ để thực hiện đăng ký vào Chương trình công tác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ theo Quy chế làm việc của Chính phủ.

Văn phòng Bộ gửi Vụ Pháp chế 01 bản tổng hợp danh mục văn bản để theo dõi chương trình công tác của Chính phủ.

Mục 2

XÂY DỰNG, BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH, NGHỊ QUYẾT CỦA CHÍNH PHỦ

Điều 26. Soạn thảo nghị định

Đơn vị được giao chủ trì soạn thảo Nghị định có trách nhiệm

1. Báo cáo Lãnh đạo Bộ phụ trách xem xét, thông qua Kế hoạch soạn thảo chi tiết. Kế hoạch soạn thảo chi tiết phải được gửi cho Vụ Pháp chế để theo dõi, đôn đốc tiến độ.

2. Đơn vị soạn thảo có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau:

a) Tổng kết việc thi hành pháp luật, đánh giá các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành, khảo sát, đánh giá thực trạng quan hệ xã hội có liên quan đến nội dung nghị định thuộc điểm b và c khoản 1 Điều 14 của Luật, đánh giá tác động của chính sách đối với nghị định quy định tại điểm c khoản 1 Điều 14 của Luật theo quy định tại khoản 1 Điều 27 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP). Nội dung đánh giá tác động của chính sách trong dự thảo thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Luật (đã được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 87/2025/QH15).

Trong trường hợp cần thiết, đề nghị cơ quan, tổ chức có liên quan tổng kết, đánh giá việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực do cơ quan, tổ chức đó phụ trách có liên quan đến nội dung nghị định;

b) Tổ chức việc soạn thảo. Trường hợp cần thiết, đơn vị chủ trì soạn thảo đề xuất và trình Lãnh đạo Bộ phụ trách ký ban hành Quyết định thành lập Tổ soạn thảo theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 27 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP;

c) Xây dựng hồ sơ dự thảo văn bản theo quy định tại khoản 2 Điều 27 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP). Trong đó, dự thảo Tờ trình phải nêu rõ các nội dung quy định tại Điều 6 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP;

d) Gửi Trung tâm truyền thông để đăng tải hồ sơ dự thảo trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Khoa học và Công nghệ trong thời gian ít nhất là 10 ngày để các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia góp ý kiến, trừ trường hợp điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật được ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn thì việc đăng tải thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 51 của Luật;

đ) Tổ chức lấy ý kiến theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 27 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP). Trong đó, phải đảm bảo lấy ý kiến của Bộ Ngoại giao, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ, Bộ Tư pháp (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP);

e) Gửi hồ sơ dự thảo và cử đại diện tham gia cuộc họp phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội khi được đề nghị theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 27 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP;

g) Tổng hợp, nghiên cứu tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý, phản biện xã hội và hoàn thiện hồ sơ dự thảo; đăng tải bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Khoa học và Công nghệ chậm nhất là 25 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn lấy ý kiến, thời gian đăng tải ít nhất là 30 ngày.

Điều 27. Thẩm định dự thảo nghị định

1. Đơn vị chủ trì soạn thảo nghị định chủ trì, phối hợp với Vụ Pháp chế hoàn thiện hồ sơ dự thảo nghị định và trình Lãnh đạo Bộ ký văn bản gửi Bộ Tư pháp thẩm định theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP).

2. Đơn vị chủ trì soạn thảo nghị định chủ trì, phối hợp với Vụ Pháp chế nghiên cứu, xây dựng báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định và chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ xây dựng dự thảo nghị định trình Chính phủ.

Điều 28. Trình Chính phủ dự thảo nghị định

1. Đơn vị chủ trì soạn thảo nghị định có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Vụ Pháp chế trình Lãnh đạo Bộ phê duyệt, quyết định việc trình Chính phủ hồ sơ dự thảo nghị định theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP, đồng thời gửi 01 bộ hồ sơ cho Bộ Tư pháp.

2. Đơn vị chủ trì soạn thảo có trách nhiệm phối hợp với Văn phòng Chính phủ và các cơ quan có liên quan tiếp thu ý kiến của các Thành viên Chính phủ, chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo văn bản, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Điều 29. Xin ý kiến Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc ban hành nghị định, trình Chính phủ xem xét, thông qua dự thảo Nghị định

1. Đơn vị chủ trì soạn thảo có trách nhiệm phối hợp với Văn phòng Chính phủ, Bộ Tư pháp và các cơ quan trong quá trình lấy ý kiến và tiếp thu ý kiến Ủy ban Thường vụ Quốc hội trước khi Chính phủ ban hành đối với nghị định quy định tại điểm c khoản 1 Điều 14 của Luật và Điều 31 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP.

2. Đơn vị chủ trì soạn thảo chủ trì, phối hợp với các đơn vị thuộc Văn phòng Chính phủ, Bộ Tư pháp và các cơ quan có liên quan tiếp thu ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội để chỉnh lý dự thảo nghị định trình Chính phủ ban hành.

Điều 30. Soạn thảo nghị quyết

Đơn vị được giao chủ trì soạn thảo Nghị quyết có trách nhiệm:

1. Báo cáo Lãnh đạo Bộ phụ trách xem xét, thông qua Kế hoạch soạn thảo chi tiết. Kế hoạch soạn thảo chi tiết phải được gửi cho Vụ Pháp chế để theo dõi, đôn đốc tiến độ.

2. Đơn vị soạn thảo nghị quyết của Chính phủ quy định tại điểm a và b khoản 2 Điều 14 của Luật có trách nhiệm thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 32 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP).

3. Đơn vị chủ trì xây dựng nghị quyết của Chính phủ quy định tại điểm c khoản 2 Điều 14 Luật có trách nhiệm thực hiện quy định của cơ quan chủ trì soạn thảo theo quy định tại khoản 3 Điều 32 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP).

Hồ sơ dự thảo nghị quyết theo quy định tại khoản 4 Điều 32 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP).

Trong đó, dự thảo Tờ trình phải nêu rõ các nội dung quy định tại Điều 6 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP.

Điều 31. Thẩm định nghị quyết

1. Đối với nghị quyết của Chính phủ quy định tại điểm a và b khoản 2 Điều 14 của Luật thì không thực hiện việc thẩm định.

2. Đối với nghị quyết của Chính phủ quy định tại điểm c khoản 2 Điều 14 Luật thì đơn vị chủ trì soạn thảo có trách nhiệm trình Lãnh đạo Bộ phụ trách phê duyệt văn bản đề nghị thẩm định kèm hồ sơ thẩm định gửi Bộ Tư pháp để thẩm định theo quy định tại khoản 1 Điều 33 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP).

Điều 32. Trình Chính phủ thông qua dự thảo nghị quyết

1. Đối với dự thảo nghị quyết quy định tại điểm a và b khoản 2 Điều 14 của Luật, đơn vị chủ trì soạn thảo có trách nhiệm nghiên cứu tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý, chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ dự thảo nghị quyết; trình Bộ trưởng thông qua hồ sơ dự thảo nghị quyết theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 34 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP) để trình Chính phủ.

2. Đối với dự thảo nghị quyết của Chính phủ quy định tại điểm c khoản 2 Điều 14 Luật, cơ quan chủ trì soạn thảo trình Bộ trưởng thông qua hồ sơ dự thảo nghị quyết theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP) để trình Chính phủ.

Mục 3

XÂY DỰNG, BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Điều 33. Soạn thảo quyết định của Thủ tướng Chính phủ

Đơn vị chủ trì soạn thảo có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau:

1. Báo cáo Lãnh đạo Bộ phụ trách xem xét, thông qua Kế hoạch soạn thảo chi tiết. Kế hoạch soạn thảo chi tiết phải được gửi cho Vụ Pháp chế để theo dõi, đôn đốc tiến độ.

2. Đơn vị soạn thảo có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau:

a) Tổng kết, đánh giá các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành, khảo sát, đánh giá thực trạng quan hệ xã hội có liên quan đến dự thảo văn bản đối với trường hợp ban hành văn bản quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 15 của Luật theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 36 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP;

b) Tổ chức việc soạn thảo. Trường hợp cần thiết, đơn vị chủ trì soạn thảo đề xuất và trình Lãnh đạo Bộ phụ trách ký ban hành Quyết định thành lập Tổ soạn thảo theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 36 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP;

c) Xây dựng hồ sơ dự thảo quyết định theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP. Trong đó, dự thảo Tờ trình phải nêu rõ các nội dung quy định tại Điều 6 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP;

d) Tổ chức lấy ý kiến đối với hồ sơ dự thảo quyết định theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 36 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP); trong đó phải lấy ý kiến của Bộ Ngoại giao, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ, Bộ Tư pháp.

đ) Gửi Trung tâm truyền thông đăng tải hồ sơ dự thảo quyết định trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Khoa học và Công nghệ trong thời gian ít nhất là 10 ngày để các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia góp ý kiến, trừ trường hợp điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật được ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn thì việc đăng tải thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 51 của Luật;

e) Tổng hợp, nghiên cứu tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý, phản biện xã hội và hoàn thiện hồ sơ dự thảo; đăng tải bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Khoa học và Công nghệ chậm nhất là 25 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn lấy ý kiến, thời gian đăng tải ít nhất là 30 ngày.

Điều 34. Thẩm định dự thảo quyết định

Đơn vị chủ trì soạn thảo có trách nhiệm trình Lãnh đạo Bộ phụ trách phê duyệt văn bản đề nghị thẩm định kèm hồ sơ thẩm định theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP) gửi Bộ Tư pháp để thẩm định.

Điều 35. Trình Thủ tướng Chính phủ dự thảo quyết định

Đơn vị chủ trì soạn thảo quyết định chủ trì hoàn thiện hồ sơ, phối hợp với Vụ Pháp chế phối trình Lãnh đạo Bộ phê duyệt, quyết định việc trình Thủ tướng Chính phủ hồ sơ dự thảo quyết định theo quy định tại Điều 38 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP), đồng thời gửi 01 bộ hồ sơ cho Bộ Tư pháp.

Mục 4
XÂY DỰNG, BAN HÀNH THÔNG TƯ CỦA BỘ TRƯỞNG
BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Tiểu mục 1
CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT
CỦA BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 36. Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Bộ

1. Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Khoa học và Công nghệ là chương trình xây dựng các thông tư theo quy định tại Điều 18 Luật.

2. Chậm nhất vào ngày 31 tháng 12 hằng năm, Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Bộ được ban hành.

Điều 37. Đề xuất xây dựng thông tư

1. Chậm nhất vào ngày 31 tháng 10 hằng năm, các đơn vị thuộc Bộ căn cứ chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình hoặc kế hoạch xây dựng văn bản quy định chi tiết các văn bản quy phạm pháp luật của cấp có thẩm quyền giao quy định chi tiết hoặc yêu cầu thực tế có trách nhiệm gửi đề xuất xây dựng thông tư đến Vụ Pháp chế để tổng hợp đưa vào Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Bộ.

2. Đề xuất xây dựng Thông tư theo Phụ lục 3 ban hành kèm theo Quy chế này.

3. Việc điều chỉnh Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Bộ chậm nhất trước ngày 15 tháng 7 hằng năm và được thực hiện theo thủ tục sau:

a) Đơn vị chủ trì xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trình Thứ trưởng phụ trách về việc xin điều chỉnh Chương trình. Phiếu trình nêu rõ lý do điều chỉnh;

b) Đơn vị chủ trì xây dựng văn bản quy phạm pháp luật có sự điều chỉnh Chương trình gửi văn bản đề nghị điều chỉnh về Vụ Pháp chế sau khi có ý kiến đồng ý của Thứ trưởng phụ trách;

c) Vụ Pháp chế trình Bộ trưởng xem xét, ban hành Quyết định điều chỉnh Chương trình.

Tiểu mục 2

SOẠN THẢO THÔNG TƯ CỦA BỘ TRƯỞNG

Điều 38. Soạn thảo thông tư của Bộ trưởng

1. Đơn vị được Bộ trưởng giao nhiệm vụ chủ trì soạn thảo thông tư có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Điều 39 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP).

2. Đơn vị soạn thảo thông tư có trách nhiệm

a) Tổ chức soạn thảo thông tư. Trong trường hợp cần thiết, đơn vị chủ trì soạn thảo đề xuất, trình Bộ trưởng thành lập Tổ soạn thảo gồm đại diện của đơn vị chủ trì soạn thảo, Vụ Pháp chế và các đơn vị thuộc Bộ, chuyên gia, nhà khoa học (nếu cần) và trình Bộ trưởng ký quyết định thành lập Tổ soạn thảo.

Tổ soạn thảo tư vấn cho đơn vị chủ trì soạn thảo thực hiện việc soạn thảo.

b) Xây dựng hồ sơ dự thảo thông tư bao gồm: Dự thảo tờ trình theo Mẫu số 02 Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP; Dự thảo thông tư; Bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo Mẫu số 06 Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP (nếu có); Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật hoặc đánh giá thực trạng quan hệ xã hội liên quan đến dự thảo thông tư đối với trường hợp ban hành thông tư quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật theo Mẫu số 08 Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP; Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân theo Mẫu số 10 Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP; Bản so sánh, thuyết minh dự thảo thông tư theo Mẫu số 12 Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

c) Gửi Trung tâm truyền thông để đăng tải toàn văn dự thảo thông tư trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Khoa học và Công nghệ trong thời gian ít nhất 10 ngày để các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia góp ý kiến, trừ trường hợp điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật được ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn thì việc đăng tải thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 51 của Luật;

d) Lấy ý kiến đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của thông tư và cơ quan, tổ chức có liên quan. Tùy theo tính chất và nội dung dự thảo, đơn vị chủ trì thuộc Bộ gửi dự thảo lấy ý kiến của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, các cơ quan, tổ chức khác, các chuyên gia, nhà khoa học. Trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản, thời hạn lấy ý kiến là 10 ngày kể từ ngày lấy ý kiến;

đ) Nghiên cứu, tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý; đăng tải bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Khoa học và Công nghệ chậm nhất là 25 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn lấy ý kiến, thời gian đăng tải ít nhất là 30 ngày.

3. Đối với các dự thảo Thông tư có quy định về thủ tục hành chính thì trước khi gửi thẩm định, đơn vị chủ trì phải gửi lấy ý kiến của Văn phòng Bộ theo các quy định về kiểm soát thủ tục hành chính.

Tiểu mục 3

THẨM ĐỊNH, BAN HÀNH THÔNG TƯ

Điều 39. Thẩm định dự thảo thông tư

1. Việc thẩm định dự thảo thông tư có nội dung về quy chuẩn kỹ thuật quốc gia được thực hiện theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật trước khi thực hiện thẩm định theo quy định tại khoản 1 Điều 40 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP.

2. Trách nhiệm thẩm định:

a) Vụ Pháp chế chủ trì việc thẩm định dự thảo thông tư của Bộ trưởng do các đơn vị thuộc Bộ chủ trì soạn thảo thuộc Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Bộ.

Đối với các dự thảo thông tư do Vụ Pháp chế chủ trì soạn thảo thì Vụ trưởng Vụ Pháp chế đề xuất Bộ trưởng phân công đơn vị khác thẩm định.

Việc thẩm định được thực hiện bằng một trong các hình thức: tự thẩm định; thành lập hội đồng thẩm định; tổ chức họp thẩm định hoặc tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản.

Trong trường hợp thẩm định thông qua hội đồng thẩm định, đơn vị chủ trì thẩm định chịu trách nhiệm đề xuất thành phần, cơ cấu hội đồng thẩm định trình Bộ trưởng thành lập hội đồng thẩm định. Hội đồng thẩm định chấm dứt hoạt động và tự giải thể sau khi kết thúc cuộc họp hội đồng thẩm định;

b) Tùy từng nội dung dự thảo thông tư, có thể mời đại diện của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan, tổ chức có liên quan, chuyên gia, nhà khoa học tham gia thẩm định hoặc lấy ý kiến thẩm định bằng văn bản;

c) Cơ quan, tổ chức, cá nhân được lấy ý kiến thẩm định, người tham gia cuộc họp thẩm định hoặc hội đồng thẩm định có trách nhiệm tham gia thẩm định thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ, chuyên môn của mình và có thể tham gia ý kiến về các nội dung khác khi thấy phù hợp.

3. Trường hợp tổ chức cuộc họp hội đồng thẩm định hoặc cuộc họp thẩm định, đơn vị chủ trì thẩm định gửi tài liệu họp thẩm định đến các thành viên tham gia thẩm định chậm nhất là 03 ngày làm việc, trước ngày tổ chức thẩm định. Thành viên tham gia thẩm định có trách nhiệm nghiên cứu hồ sơ dự thảo thông tư và phát biểu ý kiến thẩm định.

4. Nội dung thẩm định tập trung vào những vấn đề chính theo quy định tại khoản 5 Điều 40 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP).

5. Báo cáo thẩm định

a) Chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc thẩm định, đơn vị chủ trì thẩm định hoàn thành báo cáo thẩm định gửi đơn vị chủ trì soạn thảo. Trường hợp thông tư có nội dung lớn, phức tạp, sau thẩm định còn nhiều ý kiến khác nhau thì thời gian hoàn thành báo cáo thẩm định để gửi đơn vị chủ trì soạn thảo là chậm nhất 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc thẩm định. Báo cáo thẩm định phải thể hiện đầy đủ ý kiến về các nội dung quy định tại khoản 4 Điều này theo Phụ lục 4 ban hành kèm theo Quy chế này;

b) Đơn vị chủ trì soạn thảo có trách nhiệm nghiên cứu, tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định tại báo cáo thẩm định để chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ dự thảo thông tư;

c) Trường hợp dự thảo thông tư còn ý kiến khác nhau giữa đơn vị chủ trì soạn thảo và ý kiến thẩm định, ý kiến của các tổ chức, cá nhân là đối tượng chịu tác động hoặc có liên quan trực tiếp của văn bản, đơn vị chủ trì soạn thảo báo cáo Lãnh đạo Bộ phụ trách hoặc Bộ trưởng xem xét, quyết định hoặc tổ chức họp với các đơn vị liên quan để thảo luận, thống nhất trước khi trình Lãnh đạo Bộ.

6. Đơn vị được phân công chủ trì soạn thảo có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị có liên quan nghiên cứu, tiếp thu ý kiến thẩm định để chỉnh lý dự thảo.

Điều 40. Hồ sơ gửi thẩm định

1. Đơn vị chủ trì soạn thảo gửi hồ sơ thẩm định bản điện tử và 01 bản giấy gồm các tài liệu quy định tại khoản 3 Điều này đến đơn vị chủ trì thẩm định.

2. Đơn vị chủ trì thẩm định tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ dự thảo thông tư do đơn vị chủ trì soạn thảo gửi để thẩm định. Trường hợp thành phần hồ sơ gửi thẩm định chưa đáp ứng yêu cầu quy định tại khoản 3 Điều này, trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, đơn vị chủ trì thẩm định đề nghị đơn vị chủ trì soạn thảo bổ sung hồ sơ.

3. Hồ sơ đề nghị thẩm định dự thảo thông tư bao gồm:

- a) Văn bản đề nghị thẩm định của đơn vị chủ trì soạn thảo;
- b) Các tài liệu quy định tại điểm b khoản 2 Điều 38 Quy chế này;
- c) Các tài liệu khác theo quy định (nếu có).

4. Thời hạn tổ chức thẩm định:

a) Không quá 07 ngày làm việc kể từ ngày đơn vị chủ trì thẩm định nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ đề nghị thẩm định đối với dự thảo thông tư và không quá 10 ngày làm việc đối với nội dung dự thảo thông tư phức tạp, liên quan đến nhiều ngành, lĩnh vực;

b) Không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày đơn vị chủ trì thẩm định nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ đề nghị thẩm định đối với dự thảo thông tư có nội dung được xây dựng, ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn.

Điều 41. Trình xin ý kiến tập thể Lãnh đạo Bộ

1. Sau khi có ý kiến thẩm định của Vụ Pháp chế và trước khi trình Bộ trưởng ký ban hành thông tư, đơn vị chủ trì soạn thảo có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị liên quan nghiên cứu, tiếp thu ý kiến thẩm định để chỉnh lý hoàn thiện dự thảo thông tư và trình xin ý kiến tập thể Lãnh đạo Bộ.

2. Đơn vị chủ trì soạn thảo có trách nhiệm phối hợp với Vụ Pháp chế giải trình, tiếp thu ý kiến của các Thứ trưởng để chỉnh lý hoàn thiện dự thảo Thông tư trước khi trình Bộ trưởng ký ban hành.

Điều 42. Hồ sơ trình xin ý kiến tập thể Lãnh đạo Bộ và trình Bộ trưởng về việc ban hành thông tư

Hồ sơ theo trình xin ý kiến tập thể Lãnh đạo Bộ và trình Bộ trưởng ban hành bao gồm:

1. Tờ trình Bộ trưởng/các Thứ trưởng (đối với hồ sơ trình xin ý kiến tập thể Lãnh đạo Bộ); Tờ trình Bộ trưởng/Thứ trưởng phụ trách (đối với hồ sơ trình ban hành thông tư).

2. Dự thảo văn bản quy phạm pháp luật đã chỉnh lý sau khi có ý kiến thẩm định của Vụ Pháp chế; ý kiến của tập thể Lãnh đạo Bộ.

3. Báo cáo thẩm định của Vụ Pháp chế.

4. Báo cáo giải trình tiếp thu ý kiến thẩm định.

5. Báo cáo giải trình tiếp thu ý kiến của tập thể Lãnh đạo Bộ (đối với hồ sơ trình ban hành thông tư).

6. Bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân và đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của dự thảo; bản chụp ý kiến góp ý.

7. Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật hoặc đánh giá thực trạng quan hệ xã hội liên quan đến dự thảo thông tư (nếu có).

8. Bản đánh giá thủ tục hành chính, bảo đảm bình đẳng giới, chính sách dân tộc, việc phân cấp (nếu có).

9. Tài liệu khác có liên quan (nếu có).

Điều 43. Thẩm quyền ký ban hành thông tư, thông tư liên tịch

1. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ký ban hành thông tư, thông tư liên tịch với Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán nhà nước.

2. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ có thể ủy quyền cho Thứ trưởng phụ trách ký thông tư của Bộ trưởng khi Bộ trưởng vắng mặt. Việc ủy quyền phải ghi rõ theo từng văn bản.

Điều 44. Đăng tải trên công báo điện tử thông tư, thông tư liên tịch do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành

1. Thông tư, thông tư liên tịch do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành phải được đăng công báo điện tử, trừ trường hợp văn bản thuộc danh mục bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật về bí mật nhà nước; điều ước quốc tế có quy định về việc không đăng tải.

Thông tư, thông tư liên tịch gửi đăng tải trên công báo điện tử gồm 01 bản giấy, ghi rõ “Văn bản gửi đăng tải trên công báo điện tử” và bản điện tử. Bản điện tử phải đảm bảo đúng các tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật. Bản giấy và bản điện tử phải đảm bảo tính chính xác so với bản gốc.

2. Trong thời hạn 02 ngày kể từ ngày Bộ trưởng ký thông tư, thông tư liên tịch, đơn vị chủ trì soạn thảo thông tư có trách nhiệm cung cấp bản điện tử cho Văn phòng Bộ.

Đối với thông tư ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn, đơn vị chủ trì phối hợp với Văn phòng Bộ gửi đến Văn phòng Chính phủ ngay trong ngày ký ban hành để đăng tải trên công báo.

3. Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày Bộ trưởng ký thông tư, thông tư liên tịch, Văn phòng Bộ chịu trách nhiệm gửi văn bản đến Văn phòng Chính phủ theo quy định tại khoản 4 Điều 7 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ để đăng tải trên công báo điện tử.

Thông tư ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn, Văn phòng Bộ phối hợp với đơn vị soạn thảo thông tư phải gửi văn bản đến Văn phòng Chính phủ ngay trong ngày ký ban hành để đăng tải trên công báo.

Điều 45. Đưa tin và đăng tải thông tư, thông tư liên tịch đã ban hành lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật, Cổng thông tin điện tử của Bộ Khoa học và Công nghệ

1. Thông tư, thông tư liên tịch của Bộ trưởng phải được đăng tải toàn văn lên cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật, Cổng thông tin điện tử của Bộ Khoa học và Công nghệ.

nghe và phải đưa tin trên phương tiện thông tin đại chúng, trừ trường hợp văn bản thuộc danh mục bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật về bí mật nhà nước; điều ước quốc tế có quy định về việc không đăng tải.

2. Trách nhiệm của các đơn vị thuộc Bộ:

a) Trong thời hạn 02 ngày kể từ ngày Bộ trưởng ký ban hành thông tư, thông tư liên tịch, đơn vị chủ trì soạn thảo thông tư, thông tư liên tịch có trách nhiệm cung cấp bản điện tử (gồm cả file docx và file pdf) cho Trung tâm truyền thông, Vụ Pháp chế và chịu trách nhiệm về tính chính xác của bản điện tử;

b) Trung tâm truyền thông có trách nhiệm đăng tải toàn văn thông tư, thông tư liên tịch lên Cổng thông tin điện tử của Bộ Khoa học và Công nghệ trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày Bộ trưởng ký ban hành thông tư, thông tư liên tịch;

c) Vụ Pháp chế có trách nhiệm đăng tải văn thông tư, thông tư liên tịch lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bộ trưởng ký ban hành Thông tư, thông tư liên tịch.

Điều 46. Soạn thảo, ban hành thông tư liên tịch của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ với Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng kiểm toán nhà nước

Việc xây dựng, ban hành thông tư liên tịch giữa Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ với Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán nhà nước thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 49 của Luật.

Chương IV

HỢP NHẤT VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT, PHÁP ĐIỂN HỆ THỐNG QUY PHẠM PHÁP LUẬT

Điều 47. Hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật

1. Đơn vị chủ trì soạn thảo văn bản sửa đổi, bổ sung có trách nhiệm chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ tổ chức, thực hiện việc hợp nhất văn bản và trình Lãnh đạo Bộ ký xác thực văn bản hợp nhất đối với văn bản sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền ban hành của Chủ tịch nước, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, văn bản liên tịch giữa Chính phủ với Đoàn chủ tịch Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam mà Bộ được giao chủ trì soạn thảo và các văn bản do Bộ ban hành, văn bản liên tịch do Bộ chủ trì soạn thảo.

2. Vụ Pháp chế có trách nhiệm phối hợp rà soát kỹ thuật hợp nhất văn bản và có ý kiến góp ý đối với dự thảo các văn bản hợp nhất do đơn vị chủ trì thực hiện việc hợp nhất văn bản gửi xin ý kiến trước khi trình Lãnh đạo Bộ ký xác thực.

3. Thực hiện việc hợp nhất đối với văn bản Chủ tịch nước, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ ban hành, văn bản liên tịch do Bộ chủ trì soạn thảo theo quy định tại Điều 6, 7 Pháp lệnh hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật năm 2012.

4. Thực hiện việc đăng văn bản hợp nhất trên Công báo theo quy định tại Điều 8 Pháp lệnh hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật năm 2012.

5. Văn bản hợp nhất phải được cập nhật trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày ký xác thực, đơn vị chủ trì việc hợp nhất văn bản phải gửi văn bản hợp nhất đến Vụ Pháp chế để cập nhật lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật.

Điều 48. Pháp điển hệ thống quy phạm pháp luật

1. Bộ Khoa học và Công nghệ thực hiện pháp điển đối với quy phạm pháp luật trong văn bản quy phạm pháp luật do mình ban hành hoặc chủ trì soạn thảo; quy phạm pháp luật trong văn bản quy phạm pháp luật do tổ chức, đại biểu Quốc hội trình điều chỉnh những vấn đề thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ; thực hiện pháp điển theo đề mục được Thủ tướng Chính phủ phân công, bảo đảm tính chính xác, đầy đủ các quy phạm pháp luật mới, đề mục mới.

2. Đơn vị được giao chủ trì soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật có trách nhiệm thực hiện pháp điển đối với quy phạm pháp luật trong văn bản quy phạm pháp luật do mình chủ trì soạn thảo; quy phạm pháp luật trong văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ.

3. Vụ Pháp chế phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện pháp điển hệ thống quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ theo quy định.

Chương V

THAM GIA Ý KIẾN ĐỐI VỚI DỰ ÁN, DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

Điều 49. Trách nhiệm của đơn vị thuộc Bộ được giao chủ trì góp ý kiến với dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật

1. Đơn vị được Lãnh đạo Bộ phân công chủ trì góp ý dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật có trách nhiệm nghiên cứu, lấy ý kiến các đơn vị liên quan và chuẩn bị văn bản góp ý kiến.

2. Căn cứ nội dung, tính chất phức tạp của dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, đơn vị được giao chủ trì góp ý, thẩm định đề xuất lựa chọn hình thức tổ chức lấy ý kiến tham gia của các đơn vị có liên quan thuộc Bộ bằng cách tổ chức thảo luận góp ý kiến hoặc xin ý kiến góp ý bằng văn bản.

3. Trong trường hợp có ý kiến khác nhau giữa các đơn vị, đơn vị được giao chủ trì góp ý kiến phải tổng hợp; nêu rõ quan điểm của đơn vị được giao chủ trì và báo cáo đầy đủ Lãnh đạo Bộ xem xét, quyết định.

4. Đơn vị được giao chủ trì góp ý có trách nhiệm đảm bảo đúng quy trình, thời hạn và chất lượng văn bản góp ý.

5. Đối với các dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật không do Vụ Pháp chế chủ trì góp ý kiến, khi gửi văn bản góp ý thì đơn vị được giao chủ trì góp ý kiến phải gửi Vụ Pháp chế để theo dõi, tổng hợp.

6. Văn phòng Bộ có trách nhiệm tham mưu Lãnh đạo Bộ phân công thống nhất 01 đầu mối xử lý: góp ý, thẩm định dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, tham mưu Phiếu xin ý kiến Thành viên Chính phủ để đảm bảo chất lượng và tiến độ của văn bản tham mưu trình Lãnh đạo Bộ trong suốt quá trình xây dựng và hoàn thiện dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật.

Điều 50. Trách nhiệm của đơn vị thuộc Bộ được đề nghị phối hợp tham gia góp ý kiến đối với dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật

1. Đơn vị có liên quan thuộc Bộ khi nhận được đề nghị tham gia góp ý kiến bằng văn bản hoặc tham gia cuộc họp thảo luận về dự thảo văn bản quy phạm pháp luật có trách nhiệm tham gia ý kiến bằng văn bản hoặc cử cán bộ tham gia đầy đủ các cuộc họp thảo luận đối với dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật.

2. Đơn vị được đề nghị phối hợp tham gia góp ý chịu trách nhiệm về thời hạn, nội dung và chất lượng văn bản góp ý của đơn vị mình. Vụ Pháp chế cho ý kiến pháp lý đối với những nội dung pháp luật chung.

3. Quá thời hạn quy định gửi văn bản góp ý, đơn vị được đề nghị phối hợp tham gia ý kiến không có văn bản phản hồi cho đơn vị chủ trì thì coi đã nhất trí hoàn toàn với nội dung dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật.

Điều 51. Tham gia ý kiến thẩm định đối với các dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật

1. Trường hợp đơn vị chuyên môn thuộc Bộ được giao đầu mối tham gia thẩm định dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật

Đơn vị chuyên môn thuộc Bộ được giao đầu mối tham gia thẩm định dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thuộc Bộ và Vụ Pháp chế lấy ý kiến để tham gia cuộc họp thẩm định hoặc xây dựng văn bản thẩm định gửi Bộ Tư pháp.

2. Trường hợp Vụ Pháp chế được giao đầu mối tham gia ý kiến thẩm định dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật

Các đơn vị chuyên môn có trách nhiệm phối hợp với Vụ Pháp chế tham gia ý kiến liên quan đến lĩnh vực quản lý nhà nước được giao tham mưu trong quá trình tham gia Hội đồng thẩm định hoặc cuộc họp thẩm định hoặc văn bản thẩm định gửi Bộ Tư pháp.

3. Trong trường hợp do thời gian gấp, cần thiết, cấp bách, Vụ Pháp chế chủ động báo cáo, xin ý kiến Lãnh đạo Bộ và thông báo cho đơn vị tham gia hội đồng thẩm định, cuộc họp thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật do Bộ Tư pháp tổ chức thẩm định. Văn phòng Bộ, Văn thư Bộ và các đơn vị phối hợp với Vụ Pháp chế thực hiện nhiệm vụ này.

Điều 52. Tham mưu Bộ trưởng phiếu ghi ý kiến thành viên Chính phủ về dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật

1. Đơn vị được giao chủ trì (đơn vị tham gia thẩm định dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật) tham mưu Bộ trưởng phiếu xin ý kiến Thành viên Chính phủ về dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ đề xuất Bộ trưởng lựa chọn phương án hoặc ý kiến khác tại phiếu lấy ý kiến Thành viên Chính phủ.

Đơn vị chủ trì tham mưu phải bảo đảm về chất lượng, thời hạn và nội dung của Phiếu xin ý kiến Thành viên Chính phủ.

2. Đơn vị chủ trì tham mưu Phiếu ý kiến Thành viên Chính phủ đối với dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật thì có trách nhiệm chuẩn bị nội dung, phối hợp với Vụ Pháp chế chuẩn bị báo cáo, tài liệu tham mưu Bộ trưởng tham dự họp Thường trực Chính phủ và phiên họp chuyên đề xây dựng pháp luật của Chính phủ theo Phụ lục 6 ban hành kèm theo Quy chế này.

Điều 53. Trách nhiệm có ý kiến về việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Đơn vị được giao chủ trì văn bản góp ý, thẩm định, tham mưu phiếu ghi ý kiến thành viên Chính phủ đối với dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật và đại diện tham gia hội đồng thẩm định, cuộc họp thẩm định, cho ý kiến thẩm định đối với dự thảo văn bản quy phạm pháp luật do Bộ Tư pháp tổ chức thẩm định chịu trách nhiệm: cho ý kiến về những nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; về việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Chương VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 54. Nhân lực cho công tác xây dựng pháp luật

Nhân lực cho công tác xây dựng pháp luật thực hiện theo quy định tại Điều 69 Luật và mục 1 Chương VI Nghị định số 78/2025/NĐ-CP.

Điều 55. Bảo đảm cơ sở vật chất, kinh phí cho công tác xây dựng, ban hành và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật

1. Kinh phí công tác xây dựng, ban hành và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật thực hiện theo quy định của Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật.

2. Việc bảo đảm cơ sở vật chất, kinh phí cho công tác xây dựng, ban hành và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật thực hiện theo quy định tại Điều 70 Luật và mục 2 Chương VI Nghị định số 78/2025/NĐ-CP.

3. Lập kế hoạch kinh phí hàng năm:

Vụ Kế hoạch - Tài chính chủ trì, phân bổ kinh phí từ ngân sách nhà nước cho công tác xây dựng, ban hành và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật hằng năm của Bộ Khoa học và Công nghệ.

4. Văn phòng Bộ quản lý nguồn kinh phí xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật đã được phân bổ, phối hợp với các đơn vị được giao chủ trì soạn thảo thực hiện việc thanh quyết toán kinh phí đối với các hoạt động quy định tại khoản 1, 2 Điều này.

Vụ Pháp chế thực hiện thanh quyết toán kinh phí xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật đối với các hoạt động quy định tại khoản 1, 2 Điều này đối với hoạt động thuộc trách nhiệm thực hiện của Vụ Pháp chế.

5. Việc sử dụng, thanh quyết toán kinh phí xây dựng văn bản quy phạm pháp luật được thực hiện theo quy định của pháp luật và chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật hằng năm.

Đối với trường hợp bố trí kinh phí xây dựng văn bản quy phạm pháp luật theo phương thức khoán theo kết quả thực hiện nhiệm vụ, việc quyết toán thực hiện trên cơ sở: Quyết định phê duyệt chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của cấp có thẩm quyền; văn bản quy phạm pháp luật đã được ban hành đúng chương trình, dự toán được giao; tờ trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật đúng tiến độ theo chương trình, kế hoạch đã được phê duyệt. Cơ quan, tổ chức chủ trì soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật thực hiện việc lưu trữ hồ sơ, chứng từ thanh quyết toán theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

6. Chậm nhất vào ngày 25 tháng 12 hằng năm, nhiệm vụ xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật chưa hoàn thành được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép chuyển tiếp sang năm sau thực hiện thì

được chuyển kinh phí tương ứng sang sử dụng và quyết toán vào năm sau theo đúng quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản có liên quan.

Điều 56. Tổ chức thực hiện

1. Các đơn vị thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

2. Vụ Pháp chế, Văn phòng Bộ chịu trách nhiệm theo dõi, kiểm tra và giám sát việc thực hiện theo Quy chế này./.

